

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1- Báo Cáo Của Hội Đồng Quản trị	1 - 3
2- Báo Cáo Kiểm Toán	4
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	5 - 8
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	9
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	10 - 11
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Hội Đồng Quản Trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.

1. Các hoạt động chính.

Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001723 ngày 17/07/2003 của Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và được thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 06 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

Dịch vụ ăn uống, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán rượu, thuốc lá nội. Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Mua bán thủy hải sản, nông sản thực phẩm. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Tổ chức hội chợ, triển lãm. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Đại lý bán vé máy bay. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê bàn ghế, vật dụng phục vụ đám tiệc. Vận tải hành khách bằng xe taxi. Chăn nuôi (không chăn nuôi tại Tp.HCM). Trồng trọt. Sản xuất nước đá. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Cho thuê kho. Sản xuất, mua bán hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở). Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở). Hoạt động thể thao: tennis. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế. Đào tạo nghề.

Ngày 29/07/2008, Công ty chính thức niêm yết trên Sàn Giao dịch Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Mã chứng khoán niêm yết: VNS

Trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam

Số 5 Phan Xích Long, P.2, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

Các chi nhánh của Công ty đến thời điểm 30/06/2010

Kho 60A

60A Nguyễn Tri Phương, P.6, Quận 5, HCM

Trung tâm dịch vụ lữ hành và Tư vấn đầu tư Ánh Dương Việt Nam

32 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Q.1, HCM

Chi nhánh Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam tại Biên Hòa

11/28, Khu phố 6A, Phường Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chi nhánh Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam tại Bình Dương

22/10, Khu phố Đông Nhì, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương

2. Tình hình tài chính & kết quả hoạt động.

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010:

Tổng tài sản	1.574.298.620.949 VNĐ
Tổng nợ phải trả	827.857.259.154 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	746.441.361.795 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Kết quả hoạt động trong kỳ:

Tổng doanh thu và thu nhập khác	759.169.014.620 VNĐ
Tổng chi phí	689.707.023.493 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế TNDN	69.461.991.127 VNĐ

3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát.

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Văn Minh	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Tạ Long Hỷ	Ủy viên
Bà Đặng Thị Lan Phương	Ủy viên
Ông Trương Đình Quý	Ủy viên

Ban Kiểm Soát

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám Đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó tổng giám đốc
Bà Ngô Thị Thuý Vân	Phó tổng giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sỹ	Phó tổng giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó tổng giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó tổng giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó tổng giám đốc
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng

4. Các thông tin cơ bản khác

Thế chấp tài sản

Tại ngày 30/06/2010, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại 1.191.619.000.220 VNĐ hiện có để đảm bảo cho những khoản vay được thể hiện trên thuyết minh báo cáo tài chính này.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Hội đồng quản trị đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.

Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hoặc sự kiện có bản chất trọng yếu, bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Lập, ngày 01 tháng 08 năm 2010

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị

Đặng Phước Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 05.10.247/AISC-DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO THỜI KỲ TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN 30/06/2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**

Kính gửi :

**Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, được lập ngày 13 tháng 07 năm 2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.HCM, Ngày 01 tháng 08 năm 2010

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Huỳnh Tiểu Phụng

Số chứng chỉ KTV: 1269/KTV

Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		96.512.728.652	136.190.333.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.296.733.370	59.256.954.589
1. Tiền	111		14.296.733.370	59.256.954.589
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.477.600.383	52.146.622.969
1. Phải thu của khách hàng	131		30.799.760.856	22.518.738.652
2. Trả trước cho người bán	132		19.818.312.869	22.011.490.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	8.630.527.733	8.573.943.277
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(771.001.075)	(957.548.960)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	1.546.214.705	903.258.711
1. Hàng tồn kho	141		1.546.214.705	903.258.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.192.180.194	23.883.497.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.881.320.720	7.174.644.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			7.782.735.396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	11.310.859.474	8.926.117.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.477.785.892.297	1.173.425.126.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.971.952.390	5.233.915.113
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	3.971.952.390	5.233.915.113
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.267.591.030.109	962.312.391.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.169.132.619.690	828.458.084.560
- Nguyên giá	222		1.437.768.018.932	1.017.067.184.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.635.399.242)	(188.609.100.340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	93.476.343.640	102.897.730.193
- Nguyên giá	225		150.742.532.560	150.742.532.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(57.266.188.920)	(47.844.802.367)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	4.982.066.779	30.956.576.788
III. Bất động sản đầu tư	240	V.09	197.210.455.514	197.210.455.514
- Nguyên giá	241		197.210.455.514	197.210.455.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	2.400.000.000	2.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.400.000.000	2.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.612.454.284	6.268.364.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.982.077.284	1.911.652.776
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.12	3.630.377.000	4.356.712.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.574.298.620.949	1.309.615.460.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		827.857.259.154	606.150.021.120
I. Nợ ngắn hạn	310		125.689.125.652	57.365.687.226
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	22.500.000.000	
2. Phải trả cho người bán	312		11.884.056.209	8.144.019.569
3. Người mua trả tiền trước	313		318.828.451	216.648.436
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	12.516.626.665	13.976.088.513
5. Phải trả người lao động	315		7.254.195.957	16.864.329.331
6. Chi phí phải trả	316	V.15	4.200.000.000	1.258.564.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	62.107.234.177	8.312.491.104
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.908.184.193	8.593.546.273
II. Nợ dài hạn	330		702.168.133.502	548.784.333.894
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	55.299.460.664	47.230.690.678
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	645.249.989.071	501.553.643.216
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.19	1.618.683.767	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		746.441.361.795	703.465.439.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	746.441.361.795	703.465.439.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		299.999.970.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		330.521.213.110	416.648.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			(9.324.680.890)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.814.658.866	21.605.009.531
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.407.329.433	10.802.504.766
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.698.190.386	63.734.606.045
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.574.298.620.949	1.309.615.460.572

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2010

KT. Tổng Giám Đốc**Kế Toán Trưởng****Phó Tổng Giám Đốc****Đặng Hoàng Sang****Trần Anh Minh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 02 - DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 Đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	757.552.640.374	483.193.286.491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	757.552.640.374	483.193.286.491
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	631.993.948.361	396.856.223.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		125.558.692.013	86.337.063.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	647.952.685	171.390.945
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	32.502.512.720	18.729.852.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>32.502.512.720</i>	<i>18.729.852.250</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.887.028.999	2.170.484.967
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.245.073.373	17.565.427.427
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		68.572.029.606	48.042.689.483
11. Thu nhập khác	31	V.07	968.421.561	52.582.261.475
12. Chi phí khác	32	V.08	78.460.040	37.476.236.443
13. Lợi nhuận khác	40		889.961.521	15.106.025.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.461.991.127	63.148.714.515
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.09	17.365.497.782	15.787.178.626
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.096.493.345	47.361.535.889
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	2.558	2.872

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2010

KT. Tổng Giám Đốc**Phó Tổng Giám Đốc****Kế Toán Trưởng****Đặng Hoàng Sang****Trần Anh Minh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu B03-DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2010 Đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.461.991.127	63.148.714.515
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		89.543.895.297	54.427.759.771
- Các khoản dự phòng	03		(186.547.885)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(647.952.685)	(14.573.475.556)
- Chi phí lãi vay	06		32.502.512.720	18.729.852.250
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		190.673.898.574	121.732.850.980
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		1.241.861.685	10.571.787.388
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(642.955.994)	(772.139.011)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		64.033.352.315	2.944.476.975
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.777.100.834)	2.320.644.997
- Tiền lãi vay đã trả	13		(32.502.512.720)	(18.729.852.250)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.202.595.838)	(10.840.703.128)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		39.000	135.628.450
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.003.836.082)	(7.673.491.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		183.820.150.106	99.689.203.120
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		(394.822.533.865)	(78.858.965.153)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22			28.379.781.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		647.952.685	171.390.945
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(394.174.581.180)	(50.307.793.208)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu B03-DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2010 Đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/06/2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		23.197.864.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(1.806.876.140)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		274.400.000.000	54.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.695.998.256)	(68.912.175.760)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(12.507.655.889)	(6.921.908.673)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.000.000.000)	(13.192.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		165.394.209.855	(36.832.960.573)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(44.960.221.219)	12.548.449.339
Tiền tồn đầu kỳ	60		59.256.954.589	8.626.578.734
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền tồn cuối kỳ	70		14.296.733.370	21.175.028.073

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2010

Kế Toán Trưởng**KT. Tổng Giám Đốc****Phó Tổng Giám Đốc****Đặng Hoàng Sang****Trần Anh Minh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001723 ngày 17/07/2003 của Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và được thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 06 năm 2010.

Vốn điều lệ: đến ngày 30/06/2010 là: 299.999.970.000 VNĐ.

Trụ sở chính đặt tại: Số 5 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ ăn uống, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán rượu, thuốc lá nội. Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Mua bán thủy hải sản, nông sản thực phẩm. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Tổ chức hội chợ, triển lãm. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Đại lý bán vé máy bay. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê bàn ghế, vật dụng phục vụ đám tiệc. Vận tải hành khách bằng xe taxi. Chăn nuôi (không chăn nuôi tại Tp.HCM). Trồng trọt. Sản xuất nước đá. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Cho thuê kho. Sản xuất, mua bán hàng may mặc (trừ tấy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở). Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở). Hoạt động thể thao: tennis. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế. Đào tạo nghề.

4. Tổng số cán bộ, công nhân viên : 9.798 người

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 được điều chỉnh theo các thông tư hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại chuẩn mực kế toán Việt nam số 21 " Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi doanh nghiệp đang hoạt động được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

Số dư cuối kỳ của tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2010: 18.544 VNĐ/USD.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 30/06/2010 công ty chưa phát sinh giảm giá trị hàng tồn kho. Nên chưa lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) và thuê tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Nguyên giá TSCĐ hữu hình và vô hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định đó tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Thời gian sử dụng của TSCĐ: là thời gian doanh nghiệp dự tính sử dụng tài sản cố định vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc xác định theo số lượng, khối lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được từ việc sử dụng tài sản cố định theo quy định hiện hành, ở điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định và các yếu tố khác có liên quan đến sự hoạt động của tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Hao mòn TSCĐ: là sự giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của tài sản cố định do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... Trong quá trình hoạt động của TSCĐ.

Giá trị còn lại của TSCĐ: là hiệu số giữa nguyên giá của TSCĐ sau khi trừ (-) số khấu hao lũy kế của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

Khấu hao TSCĐ: là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian sử dụng của TSCĐ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ : khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính

Thời gian sử dụng của các TSCĐ:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư: là bất động sản, gồm: Quyền sử dụng đất; Nhà hoặc một phần nhà, hoặc cả nhà và đất; Cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Giá trị còn lại: Là nguyên giá sau khi trừ (-) số khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư đó.

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu: Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Thanh lý bất động sản đầu tư: Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc bán bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu với chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư. Số lãi hoặc lỗ được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : Khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Bất Động sản đầu tư của công ty chủ yếu quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật (công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của công ty bị giảm giá; giá trị các khoản đầu tư tài chính bị tổn thất do tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ. Các khoản dự phòng này được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của Công ty giúp cho Công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh; đảm bảo các khoản đầu tư tài chính không cao hơn giá cả trên thị trường hoặc giá trị có thể thu hồi tại thời điểm lập báo cáo.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được thực hiện theo thông tư số TT228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Đến 30/06/2010: Chứng khoán đầu tư của công ty chưa giảm giá trị nên công ty chưa lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác.

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn: Là những chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán trong 1 năm tài chính hoặc một kỳ kinh doanh (ngắn hạn); hoặc trên 1 năm tài chính (dài hạn). Nên chưa thể tính hết vào chi phí SXKD trong kỳ phát sinh mà được tính vào nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Chi phí trả trước chủ yếu: Chi phí thành lập doanh nghiệp, tiền thuê nhà xưởng văn phòng, các khoản bảo hiểm có kỳ hạn, bảo bì luân chuyển, lãi mua hàng trả góp, trả chậm và các chi phí khác phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ được căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí. Chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 1 năm; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 1 năm.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí SXKD. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả này vào chi phí SXKD trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Chi phí phải trả chủ yếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ do đặc thù việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, chi phí lãi vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, trích trước tiền lương tháng 13 năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc khi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông doanh nghiệp hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Ghi giảm nguồn vốn kinh doanh: khi công ty nộp trả vốn cho Ngân sách nhà nước, bị điều động vốn cho doanh nghiệp khác trong nội bộ Tổng công ty (Công ty Nhà Nước); Trả lại vốn cho các cổ đông hoặc các bên góp vốn liên doanh hoặc giải thể, thanh lý doanh nghiệp, hoặc xử lý bù lỗ kinh doanh theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Nguyên tắc khi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Nguyên tắc khi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang.... Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản; Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước; Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp theo quy định...Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.

Nguyên tắc khi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động); chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính và tình hình xử lý số chênh lệch tỷ giá hối đoái đó.

Nguyên tắc khi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ và quyết định Hội đồng quản trị được thông qua đại hội cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11. Nguyên tắc và phương ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản đầu tư tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại bao gồm thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại; Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành; Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản sau: a) Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; b) Giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và c) Giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu và phải trả ra đồng " Việt Nam" theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái thực hiện theo thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 và thông tư số 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 hướng dẫn về xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2010	01/01/2010
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2010	01/01/2010
Tiền	14.296.733.370	59.256.954.589
Tiền mặt	2.733.528.539	6.200.741.460
Tiền gửi ngân hàng	11.563.204.831	53.056.213.129
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>11.544.506.625</i>	<i>52.584.147.135</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	<i>18.698.206</i>	<i>472.065.994</i>
Cộng	14.296.733.370	59.256.954.589
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
Phải thu khác	8.630.527.733	8.573.943.277
<i>Bảo hiểm vật chất dân sự</i>	<i>1.823.500.548</i>	<i>2.246.008.202</i>
<i>BHXH, BHYT của tài xế</i>	<i>541.737.798</i>	<i>215.882.452</i>
<i>Thuế TNCN phải thu bổ sung</i>	<i>3.135.315.905</i>	<i>3.135.315.905</i>
<i>Công nợ vé máy bay</i>	<i>2.654.079.611</i>	<i>2.079.785.101</i>
<i>Phải thu công ty Thực Phẩm Miền Bắc</i>	<i>176.000.000</i>	<i>176.000.000</i>
<i>Mặt bằng xưởng Thành Lợi</i>		<i>216.000.000</i>
<i>Lãi tiết kiệm ngắn hạn phải thu</i>	<i>170.195.260</i>	<i>343.333.333</i>
<i>Khác</i>	<i>129.698.611</i>	<i>161.618.284</i>
Cộng	8.630.527.733	8.573.943.277
3. Hàng tồn kho	30/06/2010	01/01/2010
Công cụ, dụng cụ	1.546.214.705	903.258.711
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.546.214.705	903.258.711
4. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
Tài sản ngắn hạn khác	11.310.859.474	8.926.117.569
Tạm ứng	9.705.282.516	7.786.564.369
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.605.576.958	1.139.553.200
<i>Đặt cọc tiền thuê mặt bằng</i>	<i>739.170.000</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Đặt cọc máy photo</i>		<i>9.000.000</i>
<i>Ký quỹ dịch vụ du học</i>	<i>25.855.758</i>	<i>57.630.000</i>
<i>Đặt cọc thuê mặt bằng Bình Dương</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Ký quỹ thanh toán vé</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Ký quỹ điểm tiếp thị</i>	<i>220.551.200</i>	<i>141.230.200</i>
<i>Ký quỹ khác</i>		<i>11.693.000</i>
Cộng	11.310.859.474	8.926.117.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Các khoản phải thu dài hạn nội bộ	30/06/2010	01/01/2010
Phải thu dài hạn nội bộ khác	3.971.952.390	5.233.915.113
Thuế GTGT đầu vào thuế tài chính	3.942.147.983	5.051.778.595
Thuế GTGT đầu vào bảo hiểm xe	29.458.242	50.963.122
Lãi tiền ký quỹ	346.165	131.173.396
Cộng	3.971.952.390	5.233.915.113

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	934.708.817	333.251.809	1.015.799.224.274	1.017.067.184.900
Mua trong năm	181.962.908	11.818.182	420.490.332.860	420.684.113.950
Tặng khác			61.618.982	61.618.982
Thanh lý, nhượng bán	44.898.900			44.898.900
Số dư cuối năm	1.071.772.825	345.069.991	1.436.351.176.116	1.437.768.018.932
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	510.083.401	260.280.522	187.838.736.417	188.609.100.340
Khấu hao trong năm	118.619.524	18.283.347	79.985.605.873	80.122.508.744
Thanh lý, nhượng bán	44.898.900			44.898.900
Giảm khác			51.310.942	51.310.942
Số dư cuối năm	583.804.025	278.563.869	267.773.031.348	268.635.399.242
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	424.625.416	72.971.287	827.960.487.857	828.458.084.560
Số dư cuối năm	487.968.800	66.506.122	1.168.578.144.768	1.169.132.619.690

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **1.068.520.600.220 VNĐ**.**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	150.742.532.560	150.742.532.560
Số dư cuối năm	150.742.532.560	150.742.532.560
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	47.844.802.367	47.844.802.367
Khấu hao trong năm	9.421.386.553	9.421.386.553
Số dư cuối năm	57.266.188.920	57.266.188.920

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	102.897.730.193	102.897.730.193
Số dư cuối năm	93.476.343.640	93.476.343.640
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án	702.799.329	720.493.329
<i>Khảo sát tại Bình Thuận</i>	35.806.784	35.806.784
<i>Phí quy hoạch khu dân cư CC (HĐ 129 (40%))</i>	145.454.545	145.454.545
<i>Thiết kế + khảo sát xây dựng Nhà hàng Tân Đà</i>		7.194.000
<i>Thiết kế + khảo sát xây dựng khu C.Cư Cao Cấp Củ Chi</i>	521.538.000	521.538.000
<i>Giấy phép đo đạc nhà 32 Thủ Khoa Huân</i>		10.500.000
Mua sắm TSCĐ	4.279.267.450	30.236.083.459
<i>Xe (10 Vios chưa hình thành TSCĐ)</i>	4.227.272.730	28.682.927.791
<i>Thuế trước bạ 0 xe chưa hình thành TSCĐ</i>		1.517.130.300
<i>Bộ đàm xe (8 bộ)</i>	51.994.720	36.025.368
Cộng	4.982.066.779	30.956.576.788

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	197.210.455.514	-	-	197.210.455.514
Quyền sử dụng đất	197.210.455.514			197.210.455.514
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại	197.210.455.514	-	-	197.210.455.514
Quyền sử dụng đất	197.210.455.514			197.210.455.514

Thuyết minh số liệu và các giải trình khác:

Danh mục bất động sản đầu tư:

Quyền sử dụng đất diện tích 2.739m², mặt tiền đường Trương Đình Hội, P.16, Quận 8, Tp.HCM.Khối nhà diện tích 717,1 m² tại 24 - 32 Thủ Khoa Huân, Quận 1, Tp.HCM.Giá trị tài sản Bất động sản đầu tư Q.8 đem thế chấp đảm bảo khoản vay là: **8.490.900.000** đồng.**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	200.000	2.400.000.000	200.000	2.400.000.000
<i>Cty CP CK Chợ Lớn</i>	200.000	2.400.000.000	200.000	2.400.000.000
Cộng	200.000	2.400.000.000	200.000	2.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010	01/01/2010		
Bảo hiểm xe	1.038.160.176	284.853.658		
Phí tần số vô tuyến chờ phân bổ	44.495.000	68.765.000		
Cục tần số vô tuyến chờ phân bổ	115.430.000	190.640.000		
BQ Window	117.496.208	234.992.415		
Đồng hồ Adsun	1.666.495.900	1.132.401.703		
Công cụ dụng cụ phân bổ				
Cộng	2.982.077.284	1.911.652.776		
12. Tài sản dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010		
Ký quỹ ký cược dài hạn	3.630.377.000	4.356.712.000		
Ký quỹ Vé máy bay Vietnam Airline	600.000.000	600.000.000		
Ký quỹ lữ hành Quốc tế tại NH ACB	250.000.000	250.000.000		
Ký quỹ Vé Máy bay Thai Airline	39.977.000	286.000.000		
Ký quỹ thuê tài chính Vietcombank	2.740.400.000	2.933.472.000		
Ký quỹ thuê tài chính NH Nông nghiệp		287.240.000		
Cộng	3.630.377.000	4.356.712.000		
13. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010		
Vay ngắn hạn	22.500.000.000			
Cộng	22.500.000.000	-		
Thuyết minh khoản vay ngắn hạn				
Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
HĐ 090.118456	03/2010	03/2011	Theo lãi suất ngắn hạn của thị trường	150 xe Innova G
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2010	01/01/2010		
Thuế giá trị gia tăng	3.178.891.955	239.741.069		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.687.927.424	12.525.025.480		
Thuế thu nhập cá nhân	1.649.807.286	1.211.321.964		
Cộng	12.516.626.665	13.976.088.513		
15. Chi phí phải trả	30/06/2010	01/01/2010		
Chi phí hoa hồng		631.790.000		
Chi phí hội nghị khách hàng		626.774.000		
Trích trước chi phí lương tháng 13 năm 2010	4.200.000.000			
Cộng	4.200.000.000	1.258.564.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2010	01/01/2010
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế		233.079.552
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.107.234.177	8.079.411.552
Thuế thu nhập cá nhân	297.653.867	100.232.367
Tiền thu hộ vé máy bay phải trả	10.344.947	378.206.482
Quỹ hoạt động HĐQT và BKS	776.713.431	1.264.599.651
Hoa hồng tour du lịch		7.645.475
Bảo hiểm vật chất dân sự	946.243.142	667.304.955
Cổ tức còn phải trả	44.706.000	
Tiền thu hộ vé máy bay VN Airline	820.033.123	216.502.000
Lãi vay		1.218.507.778
Phải trả khác	59.211.539.667	4.226.412.844
Cộng	62.107.234.177	8.312.491.104
17. Phải trả dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	55.299.460.664	47.230.690.678
Nhận ký quỹ tài xế taxi	47.927.660.000	41.302.988.000
Nhận ký quỹ khách hàng	7.371.800.664	5.927.702.678
	55.299.460.664	47.230.690.678
18. Vay và nợ dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	602.904.222.278	446.700.220.534
Vay ngân hàng	602.904.222.278	446.700.220.534
a. Ngân hàng Quân đội	96.434.750.000	111.050.750.000
b. Ngân hàng Phương Đông	15.587.694.776	21.453.090.734
c. Ngân hàng TMCP Techcombank	8.680.000.000	11.812.000.000
d. Ngân hàng TMCP Á Châu	4.625.000.000	5.375.000.000
e. Ngân hàng HSBC	63.717.391.302	
f. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.517.709.200	13.492.709.000
g. Ngân hàng Công thương	369.300.000.000	244.100.000.000
h. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- CN Thành Đô	34.041.677.000	39.416.670.800
Nợ dài hạn	42.345.766.793	54.853.422.682
i. Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính II NH Nông Nghiệp		342.339.088
j. Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính NH ĐTPT	166.122.529	332.244.529
k. Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính II Vietcombank	42.179.644.264	54.178.839.065
Cộng	645.249.989.071	501.553.643.216

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng

Các Ngân hàng gồm có các hợp đồng vay sau:

	Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
a.	30/09/TD.TH/MB	8/06/2009	8/06/2013	150 xe
	70/09/TD.TH/MB	17/11/2009	17/11/2013	150 xe
b.	0553/TD1/07TGB	23/04/2007	24/04/2011	400 xe
	076/TD1/08/TGB	11/01/2008	11/01/2012	119 xe
c.	0050/HĐTD	6/09/2007	13/09/2011	21 xe
	0051/HĐTD	20/09/2007	25/10/2011	110 xe
d.	61634419	1/07/2009	1/07/2013	Bất động sản
e.	VNM 100182M	12/03/2010	12/03/2011	150 xe
	VNM 100181M	30/03/2010	30/03/2013	
f.	6200000379	13/03/2008	13/03/2012	100 xe
g.	08.13.1067	14/03/2008	14/03/2012	500 xe
	09.13.1047	2/04/2009	2/04/2013	172 xe
	09.13.1097	30/06/2009	30/06/2013	300 xe
	10.13.1009	20/01/2010	20/01/2014	400 xe
	10.13.1116	25/06/2010	11/06/2014	70 xe
h.	6223-LAV-200900	9/06/2009	14/07/2013	150 xe

Lãi suất của các hợp đồng trên biến động từ 10-15%/năm tùy theo từng thời kỳ và tùy theo biến động của lãi suất thị trường mà ngân hàng thông báo điều chỉnh.

Thuyết minh các khoản nợ thuê tài chính

Các công ty cho thuê tài chính gồm có các hợp đồng vay sau:

	Số hợp đồng	Ngày thuê	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Ghi chú
j.	271/2006	20/11/2006	20/11/2010	1,05% / tháng	Thuê xe
k.	55.08.23/CTTC-CNHCM	12/08/2008	12/8/2012	LSCB tại thời điểm	Thuê xe
	55.08.24/CTTC-CNHCM	12/08/2008	12/08/2012	điều chỉnh+0,2%/T	Thuê xe

19. Doanh thu chưa thực hiện

Nhận trước tiền hỗ trợ vật chất mua xe

Cộng**30/06/2010****01/01/2010**

1.618.683.767

1.618.683.767

-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang số 28-29)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010		01/01/2010
	Tỷ lệ	Giá trị	Giá trị
Vốn góp của cổ đông sáng lập	20.78%	62.325.000.000	51.050.000.000
+ Ông Đặng Phước Thành	20.50%	61.500.000.000	41.000.000.000
+ Bà Ngô Thúy Vân	0.25%	750.000.000	10.000.000.000
+ Bà Đặng Thị Lan Phương	0.03%	75.000.000	50.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư chiến lược	42.54%	127.627.800.000	75.800.000.000
+ Tổng công ty thương mại sài gòn	8.50%	25.500.000.000	17.000.000.000
+ Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	12.14%	36.427.800.000	15.000.000.000
+ Công ty CP BH Nhân Thọ Prudential	4.15%	12.450.000.000	8.300.000.000
+ PCA international Funds SPC VN Seregated Po.	4.25%	12.750.000.000	8.500.000.000
+ Đặng Thành Duy	13.50%	40.500.000.000	27.000.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	36.68%	110.047.170.000	68.050.000.000
Cổ phiếu quỹ			5.100.000.000
Cộng	100%	299.999.970.000	200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	299.999.970.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	170.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	99.999.970.000	30.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	299.999.970.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.000.000.000	13.645.078.000

d. Cổ tức

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	20%	20%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
đ. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.999.997	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.999.997	20.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	29.999.997	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	510.000
<i>Cổ phiếu thường</i>		510.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.999.997	19.490.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	29.999.997	19.490.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
	30/06/2010	01/01/2010
e. Các quỹ của doanh nghiệp		
Quỹ đầu tư phát triển	26.814.658.866	21.605.009.531
Quỹ dự phòng tài chính	13.407.329.433	10.802.504.766
Cộng	40.221.988.299	32.407.514.297

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	757.552.640.374	483.193.286.491
Cộng	757.552.640.374	483.193.286.491
	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
02. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Cộng	-	-
	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	757.552.640.374	483.193.286.491
Cộng	757.552.640.374	483.193.286.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
04. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	631.993.948.361	396.856.223.309
Cộng	631.993.948.361	396.856.223.309
05. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	647.952.685	171.390.945
Cộng	647.952.685	171.390.945
06. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	32.502.512.720	18.729.852.250
Cộng	32.502.512.720	18.729.852.250
07. Thu nhập khác		
Thu thanh lý TSCĐ		51.707.149.976
Thu tiền mua hàng, khuyến mãi	251.378.334	312.853.098
Thu hoa hồng bán vé máy bay	268.313.932	325.743.088
Thu phí bảo hiểm xe		59.600.000
Thu lợi nhuận khoán (nhà 59 Nguyễn Văn Quỳ)	367.750.000	150.000.000
Thu nhập từ bồi thường thiệt hại	56.607.091	
Thu nhập khác	24.372.204	26.915.313
Cộng	968.421.561	52.582.261.475
08. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ		37.305.065.365
Chi phí tiền phạt vi phạm	41.150.000	152.487.844
Chi phí khác	37.310.040	18.683.234
Cộng	78.460.040	37.476.236.443

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.461.991.127	63.148.714.515
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	69.461.991.127	63.148.714.515
4. Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.365.497.782	15.787.178.626
6. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	<u>17.365.497.782</u>	<u>15.787.178.626</u>
	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.096.493.345	47.361.535.889
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	52.096.493.345	47.361.535.889
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.365.833	16.490.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.558</u>	<u>2.872</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Việc thay đổi trình bày Bảng Cân Đối Kế Toán lại theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính áp dụng năm 2010, do đó thông tin so sánh số đầu kỳ ngày 01/01/2010 được thay đổi như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi (mã số 431) tại ngày 31/12/2009	8.593.546.273
<i>Trình bày lại</i>	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (mã số 323) tại ngày 01/01/2010	8.593.546.273

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2010

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc

Kế Toán Trưởng

Đặng Hoàng Sang

Trần Anh Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	170.000.000.000	328.396.000.000	(7.517.804.750)	10.858.341.430	5.429.170.715	25.517.587.574	532.683.294.969
- Tăng vốn năm 2009	30.000.000.000						30.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần		88.252.000.000					88.252.000.000
- Mua cổ phiếu quỹ			(1.806.876.140)				(1.806.876.140)
- Lợi nhuận sau thuế 2009						107.466.681.014	107.466.681.014
- Phân phối quỹ				10.746.668.101	5.373.334.051	(16.120.002.152)	-
- Trích quỹ KT, phúc lợi và khen thưởng khác						(20.120.170.253)	(20.120.170.253)
- Quỹ hoạt động HĐQT và BKS						(2.149.333.620)	(2.149.333.620)
- Chia cổ tức cho cổ đông						(29.682.000.000)	(29.682.000.000)
- Trả lợi nhuận công ty TP miền Bắc						(536.000.000)	(536.000.000)
- Trả hợp tác thuê mặt bằng Tân Đà						(480.000.000)	(480.000.000)
- Tăng khác						90.000.000	90.000.000
- Giảm khác						(252.156.518)	(252.156.518)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	416.648.000.000	(9.324.680.890)	21.605.009.531	10.802.504.766	63.734.606.045	703.465.439.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 5 Phan Xích Long, P.2. Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	416.648.000.000	(9.324.680.890)	21.605.009.531	10.802.504.766	63.734.606.045	703.465.439.452
- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2010						52.096.493.345	52.096.493.345
- Tăng vốn	99.999.970.000	(99.999.970.000)					-
- Thặng dư vốn cổ phần		13.873.183.110					13.873.183.110
- Trích quỹ KT, phúc lợi và khen thưởng khác						(7.033.026.602)	(7.033.026.602)
- Trích quỹ thuộc vốn CSH				5.209.649.335	2.604.824.667	(7.814.474.002)	-
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2009						(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
- Trả thù lao HĐQT và BKS						(781.447.400)	(781.447.400)
- Bán cổ phiếu quỹ			9.324.680.890				9.324.680.890
- Trả lợi nhuận công ty TP miền Bắc						(264.000.000)	(264.000.000)
- Trả hợp tác thuê mặt bằng Tân Đà						(240.000.000)	(240.000.000)
- Tăng khác						39.000	39.000
Số dư ngày 30/06/2010	299.999.970.000	330.521.213.110	-	26.814.658.866	13.407.329.433	76.202.151.386	746.441.361.795

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2010

Kế Toán Trưởng**Đặng Hoàng Sang****KT. Tổng Giám Đốc****Phó Tổng Giám Đốc****Trần Anh Minh**